

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/DS-PT

Ngày: 18-5-2022

V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Quán

Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 106/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị V, sinh năm 1970;

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Thanh N – Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Thanh N thuộc đoàn Luật sư tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà Lê Thị Kim S, sinh năm 1976;

2. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Bà Lê Thị Kim S và ông Phạm Văn T – Bị đơn.

(Bà V, bà N, bà S và ông T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10-5-2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đặng Thị V trình bày:

Năm 2020 và 2021 bà V có cho bà S và ông T vay nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 24-10-2020 âm lịch, nhằm ngày 08-12-2020 dương lịch, bà V cho bà S và ông T là vợ chồng vay 58.000.000 đồng, thời hạn vay 120 ngày, mục đích vay dùng để mua vật tư nông nghiệp, lãi suất 02%/tháng. Đến hạn trả, mặc dù bà V đòi nhiều lần nhưng bà S và ông T không trả gốc và lãi. Vì vậy, bà V khởi kiện yêu cầu bà S và ông T liên đới trả 58.000.000 đồng gốc và lãi suất tính từ 08-12-2020 đến 10-5-2021 là hơn 5 tháng nhưng bà V chỉ yêu cầu là 5 tháng với mức lãi suất 1,0%/tháng, thành tiền 2.900.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 60.900.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 15-11-2020 âm lịch, nhằm ngày 28-12-2020 dương lịch, bà V cho bà S và ông T là vợ chồng vay 73.000.000 đồng, thời hạn vay 90 ngày, mục đích vay dùng để mua vật tư nông nghiệp, lãi suất 02%/tháng. Đến hạn trả, mặc dù bà V đòi nhiều lần nhưng bà S và ông T không trả gốc và lãi. Vì vậy, bà V khởi kiện yêu cầu bà S và ông T liên đới trả 73.000.000 đồng gốc và lãi suất tính từ 28-12-2020 đến 28-5-2021 là 5 tháng với mức lãi suất 1,0%/tháng, thành tiền 3.650.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 76.650.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 19-01-2021 âm lịch, nhằm ngày 02-3-2021 dương lịch, bà V cho bà S và ông T là vợ chồng vay 57.200.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mục đích vay dùng để mua vật tư nông nghiệp, lãi suất 02%/tháng. Đến hạn trả, mặc dù bà V đòi nhiều lần nhưng bà S và ông T không trả gốc và lãi. Vì vậy, bà V khởi kiện yêu cầu bà S và ông T liên đới trả 57.200.000 đồng gốc và lãi suất tính từ 02-3-2021 đến 02-6-2021 là 3 tháng với mức lãi suất 1,0%/tháng, thành tiền 1.716.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 58.916.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền mà bà V yêu cầu bà S và ông T trả gốc của ba lần vay là 188.200.000 đồng, lãi suất của ba lần vay là 8.266.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi của ba lần vay là 196.466.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Kim S và ông Phạm Văn T cùng trình bày:

Bà S và ông T là vợ chồng hiện đang sống chung. Bà S và ông T không vay tiền của bà V như bà V trình bày mà ngày 21-9-2020 bà S và ông T có vay của bà V 20.000.000 đồng; ngày 02-10-2020 hót hụi do bà V làm chủ là 10.000.000 đồng; ngày 06-10-2020 mua máy dầu của bà V và còn thiếu lại bà V 5.500.000 đồng. Ngày 21-3-2021 bà V mua khoai của bà S cùng ông T và còn nợ lại bà S, ông T 29.000.000 đồng. Số tiền 29.000.000 đồng tiền khoai mà bà V còn nợ bà S với ông T thì bà S và ông T không có yêu cầu phản tố, khi nào cần thiết bà S và ông T sẽ khởi kiện trong vụ án khác. Nay bà V khởi kiện yêu cầu bà S và ông T trả gốc của ba lần vay là 188.200.000 đồng, lãi suất của ba lần vay

là 8.266.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi của ba lần vay là 196.466.000 đồng thì bà S và ông T không đồng ý vì bà S và ông T không vay tiền của bà V vào các ngày 24-10-2020 (al), 15-11-2020 (al), 19-01-2021(al). Bà S thừa nhận chữ ký “S” và chữ viết “Lê Thị Kim S” cũng như dấu lặn tay màu đỏ vào các giấy mượn tiền lần lượt đề ngày 24-10-2020, 15-11-2020 (al), 19-01-2021(al) là do bà S ký và viết họ tên Lê Thị Kim S. Riêng dấu lặn tay bằng mực màu đỏ là ngón trỏ trái của bà S do bà V bắt bà S lặn tay chứ bà S không tự nguyện lặn tay.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa quyết định:

Áp dụng các điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466, 468 Điều 357 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị V đối với bà Lê Thị Kim S và ông Phạm Văn T.

Buộc bà Lê Thị Kim S và ông Phạm Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị V 188.200.000 đồng tiền gốc và 8.266.000 đồng tiền lãi suất. Tổng cộng gốc và lãi là 196.466.000 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) phát sinh từ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07-02-2022, bị đơn bà Lê Thị Kim S và ông Phạm Văn T kháng cáo với lý do không có vay tiền của bà V, yêu cầu xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà V có cho bà S và ông T vay 03 khoản có giấy mượn tiền được bà S ký nhận và ghi họ tên bà S nhưng bà S cho rằng mình không biết chữ là không đúng, vay tiền với mục đích để trồng khoai. Bà S và ông T không có căn cứ chứng minh đây là khoản vay 20.000.000 đồng hay nợ tiền mua máy dầu. Bà S ký giấy mượn tiền 03 lần với các thời gian khác nhau nhưng cho rằng không xem nội dung là không phù hợp. Ba giấy mượn tiền là chứng cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Kháng nghị cáo của các bị đơn trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Ba giấy mượn tiền bà S đều có ký tên và ghi rõ họ tên nhưng cho rằng mình không biết chữ là không phù hợp, ngoài ra bà S còn lặn tay trên ba giấy nợ. Bà S vay tiền để trồng khoai nên ông T phải cùng với bà S trả nợ. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng là có lợi cho bên bị đơn. Do đó, kháng cáo của bà S và ông T là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà V có cho bà S vay tiền gồm các lần như sau: Ngày 24-10-2020 âm lịch, nhằm ngày 08-12-2020 dương lịch: 58.000.000 đồng, thời hạn vay 120 ngày; ngày 15-11-2020 âm lịch, nhằm ngày 28-12-2020 dương lịch: 73.000.000 đồng, thời hạn vay 90 ngày; ngày 19-01-2021 âm lịch, nhằm ngày 02-3-2021 dương lịch: 57.200.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày. Các lần bà S vay tiền đều nhằm mục đích mua phân, thuốc trồng khoai mỡ, lãi suất 2%/tháng. Đến nay bà S chưa trả lãi và gốc vay.

[2] Bà S thừa nhận chữ ký “S” và chữ viết “Lê Thị Kim S” cũng như dấu lặn tay màu đỏ của ngón trỏ trái trên các giấy mượn tiền ngày 24-10-2020 âm lịch, ngày 15-11-2020 âm lịch và ngày 19-01-2021 âm lịch đều là của bà S. Bà S và ông T là vợ chồng hiện đang sống chung, việc bà S vay tiền của bà V với mục đích mua vật tư nông nghiệp phục vụ cuộc sống gia đình nên ông T phải có nghĩa vụ cùng bà S trả số tiền trên cho bà V. Bà S cho rằng dấu lặn tay màu đỏ là ngón trỏ trái của bà S vào các giấy mượn tiền là do bà V bắt ép bà S lặn tay nhưng không có chứng cứ chứng minh.

[3] Bà V khởi kiện yêu cầu bà S và ông T liên đới trả 58.000.000 đồng gốc và lãi suất tính từ 08-12-2020 đến 10-5-2021 là 5 tháng với mức lãi suất 1,0%/tháng, thành tiền 2.900.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 60.900.000 đồng; 73.000.000 đồng gốc và lãi suất tính từ 28-12-2020 đến 28-5-2021 là 5 tháng với mức lãi suất 1,0%/tháng, thành tiền 3.650.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 76.650.000 đồng; 57.200.000 đồng gốc và lãi suất tính từ 02-3-2021 đến 02-6-2021 là 3 tháng với mức lãi suất 1,0%/tháng, thành tiền 1.716.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 58.916.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà V yêu cầu bà S và ông T trả gốc của ba lần vay là 188.200.000 đồng, lãi 8.266.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi của ba lần vay là 196.466.000 đồng.

[4] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, buộc bà S và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V tổng số tiền gốc và lãi 196.466.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Bà S và ông T kháng cáo cho rằng không có vay tiền của bà V, yêu cầu xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V là có cơ sở.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà S và ông T là có căn cứ.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà S và ông T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Kim S và ông Phạm Văn T;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa;

Căn cứ các điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 463, 466, 468 Điều 357 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị V đối với bà Lê Thị Kim S và ông Phạm Văn T.

Buộc bà Lê Thị Kim S và ông Phạm Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị V 188.200.000 đồng tiền gốc và 8.266.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng gốc và lãi là 196.466.000 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Kim S và ông Phạm Văn T phải liên đới chịu 9.823.300 đồng (Chín triệu tám trăm hai mươi ba nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Bà Đặng Thị V không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà V 4.911.000 đồng (Bốn triệu chín trăm mười một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003839 ngày 09-6-2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Hóa.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị Kim S ông Phạm Văn T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 600.000 đồng theo biên lai số

0010875; biên lai số 0010874 cùng ngày 08-02-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thạnh Hóa để thi hành án phí.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 10-5-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

